

TÔI ĐI TU

● P. Nguyễn Văn Độ SB61

Năm lên chín, đang học lớp Ba trường làng, tôi được chọn giúp lễ cho hai cha già: cha Hoàng Phượng chính xứ và cha già Nguyễn Phúc đẹp lão, có bộ râu trắng phất phơ như một ông tiên, đã về hưu, luôn dâng lễ một mình tại Bàn thờ cạnh,

(Trước CĐ Vat II chưa có lễ đồng tế). Lý do được chọn có lẽ là nhờ “bề ngoài” khá ngoan ngoãn, siêng năng đi Nhà thờ, vì mẹ tôi luôn miệng nhắc bảo, đôi khi bà cũng phải dọa nạt. Thời đó, trong xứ đạo miền quê thuần nông của tôi, nay là giáo xứ Thọ Tràng, thế hệ ông bà di cư từ Thọ ninh, Đức thọ, Hà Tĩnh, rất đạo hạnh. Mỗi ngày, đến nhà thờ ba lần: sáng lễ Misa, trưa và tối đọc kinh, lần chuỗi. Vào Mùa Chay, lại được nghe các cụ ngắm Sự Thương khó, thích nhất là tiếng than kinh ê-a, ru bọn trẻ chúng tôi êm đềm đi vào giấc ngủ say! Thôn làng được sống trong bầu khí rất an ninh,

thanh bình, để chúng tôi có thể chơi đùa đến khuya, nhất là vào những đêm trăng sáng. Tiếc thay, từ khoảng giữa thập niên 60 về sau, quê hương tôi trở thành vùng lửa đạn rất khốc liệt và đầy chết chóc đau thương! Gia đình tôi sớm phải rời bỏ quê hương một lần nữa ra đi.

Được chọn vào Ban giúp lễ là một “vinh dự” cho tôi, so với mấy đứa bạn “ngổ nghịch” khác, mà ông bà quê tôi gọi là “mấy đứa trực trạc”. Tôi cảm thấy mình như “người lớn” hẳn lên: Đi nhà thờ lúc nào cũng áo dài đen, quần trắng, tất nhiên là màu “cháo lòng”, lại còn được học và đọc ro ro tiếng La-tinh để “thưa đáp” với cha chủ tế dâng lễ quay mặt lên, mặc dù chẳng hiểu chi. Hai cha con rì rào qua lại những câu mà Cicero có nghe cũng phải há miệng! Vào ban giúp lễ còn được ban thêm đặc ân khác là miễn học phí trường làng. Cả nhóm năm sáu đứa do một thầy giáo già tu xuất điều khiển. Đứa nào cũng ngoan, vâng lời đúng phép tắc.

Ngày nào cũng vậy, trừ khi bị ốm hay thèm ngủ quá cố tình quên, từ 4 giờ sáng, tôi đã phải thức dậy-quê tôi ngày lao động bắt đầu rất sớm- áo quần chỉnh tề, một mình đi lên nhà thờ. Đôi khi gặp được người lớn đi cùng, đỡ sợ ma, nếu không thì lúc một mình đi ngang “Nhà vòm” (trạm y tế do Mỹ viện trợ) tôi phải nín thở chạy như ma đuổi. Trong nhà thờ, với ánh sáng tù mù của mấy ngọn đèn dầu hôi, khi đến sớm cũng như khi ra về muộn, vì phải lo dọn áo lễ cho sáng hôm sau và đóng các cửa, lúc chỉ còn lại ngọn đèn màu đỏ leo lét bên cạnh Nhà Tạm, tôi vẫn lo nhất là “nếu Chúa hiện ra” với một mình thì biết ăn nói làm sao! Điều đó chứng tỏ trong tâm trí non nớt của mình, dù chưa hiểu gì cao sâu, tôi cũng đã mừng tượng “tin tưởng” điều gì rất linh thiêng nơi Thánh Thể, để tập sống “ngoan” hơn. Tuy kính sợ cha

xứ nghiêm nghị, nhưng gương sáng đạo đức của ngài và của các ông bà lớn tuổi khi xem lễ, đọc kinh hoặc khi theo cha xứ đưa “của ăn đàng cho kẻ liệt”, tôi đã sớm nhận ra sự thánh thiện và “được kính trọng” của các linh mục, dù chưa hiểu gì về chuyện đi tu cả.

Đời sống trôi êm đềm, vô tư, cho đến đầu năm 1961, khi đang học lớp Nhất để chuẩn bị thi Tiểu học, tôi được cha xứ kêu vào nói chuyện, khuyên thi vào Tiểu chủng viện, mà ngài gọi là “vào Nhà Đức Chúa Trời” và trao cho một cuốn Giáo Lý nhỏ để về nhà học. Mẹ tôi - vì bố tôi đi làm xa nhà - cũng đã được cha xứ cho biết ý định nên bà rất mừng và luôn nhắc tôi học cuốn Giáo lý kỹ lưỡng. Tôi còn được biết ba đứa bạn cùng lớp là Hoàng Thanh, Học và Chúc cũng được chọn đi thi, nhưng Học và Chúc không ở trong ban giúp lễ nên vất vả hơn khi phải học thêm kinh La tinh.

Với đầu óc non nớt của cậu bé tuổi 11, tôi chưa hiểu gì về lý tưởng “dâng mình cho Chúa để coi sóc các linh hồn” như lời cha già giải thích. Nhưng tôi thật sự hăm hở vì sắp được “đi du học” tận một thành phố xa lạ, tên là Nha Trang nào đó. Mấy đứa bạn tôi, nhất là mấy “đứa con gái dễ ghét” cùng lớp hoặc cùng xóm thường chơi đùa với nhau, đã bắt đầu nhìn tôi với cặp mắt “kính nể” hơn. Có đứa còn cả gan trêu chọc, chào tôi là “chú nhà Thầy”, “vào trường La tinh” (Thời đó, các ông bà quê tôi gọi Tiểu chủng viện (TCV) là trường Latinh, đi giúp xứ là Đi thử /probation, ĐCV là trường lý đoán, khi có chức 4 cắt tóc/tonsura thì gọi là thầy già, làm LM gọi là đồ cụ). Tôi “trả thù” bằng cách khi theo hầu cha già cho rước lễ vòng quanh Bao lon cung thánh (balcony), tôi giả vờ vụng về, chạm mép đĩa hứng vụn Mình Thánh vào cổ chúng một cái. Bây giờ gặp lại nhau ở tuổi “cổ

lai hi” vẫn có người nhắc chuyện cũ để cười xoà!

Ở vào tuổi “chưa biết cái chi chi” (*Hồng hồng, Tuyết tuyết-Dương Khuê*) tôi chẳng hề “**ướng** bạn” với tình yêu nam nữ. Và thật tình, mãi về sau, cho tới khi lên lớp Septième tôi mới được vài bạn “khai tâm” về chuyện sinh đẻ của loài người! Một ít “quyến luyến” với căn nhà tuổi thơ, xóm làng và các đứa bạn đồng môn cũng nhanh chóng vui đi trước sự nồn nóng được “đổi đời” đi học xa. Để rồi, vào những ngày đầu sau khi nhập TCV Sao Biển, tôi lại “hối hận” đã dám liều ra đi và đã khóc thắm nhiều đêm vì “nỗi nhớ nhà” da diết cùng cực, mà lần đầu tiên phải cảm nghiệm trong đời ! Có một anh bạn, tên vẫn C ngồi cuối phòng Etude, đã bật khóc òa to tiếng vì nhớ mẹ, làm chúng tôi **đều** thốn thức!

Trở lại câu chuyện: Vào một ngày cuối tháng Năm 1961, sau khi chúng tôi đã thi và hãnh diện đậu bằng Tiểu học, cha già nhờ một thầy giáo dẫn bốn “thí sinh nhà Đức Chúa Trời” xuống xứ Lạc Đạo, Phan thiết để dự cuộc sát hạch. Lúc đó Cố Caillon đang là cha chính xứ và cha mới Lê Văn Sinh (Bình Cang) là cha phó. Khoảng bốn năm chục thí sinh toàn tỉnh, vào trường của giáo xứ để thi các môn: Chính tả: có bài văn “Khi du khách bước tới thôn Thanh Hải, đã thấy sừng sững một dãy nhà dài, tường xây, mái lợp ngói đỏ...” do Cha Mai khắc Cảnh (RIP/Mêpu Bình Tuy) đọc và làm giám thị. Tiếp đến chúng tôi lần lượt gặp Cố Hồng (cha Joseph Clause) để thi Giáo lý và kinh Giúp lễ. Tôi trúng tủ kinh Confiteor (Kinh Cáo mình) đã lâu lâu, nên đọc trơn tru với giọng Nghệ rặc nòi, không cần “xịt gió” chi cả. Vui mừng được cố Hồng ban cho nụ cười rất nhân hậu và dễ mến. Cuối cùng, quan trọng nhất là gặp cha Pierre Jeanningros (Cố Vị) đang là Bề trên TCV để được “phỏng vấn”. Ngài hỏi han về bản

thân, gia đình, ước muốn... trong đó có câu hỏi khó nhất là: “Động cơ nào đưa con đến với TCV Sao Biển?”. Sau này cha BT Nguyễn Văn Nho có lần kể lại: Đáp câu hỏi đó, có chú đã trả lời mạnh mẽ:”Thưa cha, động cơ Lambretta ạ”!

Khoảng một tháng sau ngày thi, cha xứ cho biết Giáo xứ được hai chú đậu vào TCV là Hoàng Thanh và tôi. Và lần đầu tiên, hai chú bé chúng tôi được cha xứ mời ăn cùng ngài “bữa cơm trưa khen thưởng”. Cuộc đời như sang trang mới với bao hồi hộp, lo âu, lần vui mừng và hãnh diện. Mẹ tôi có lẽ còn mừng hơn tôi. Hồi tưởng những hy sinh âm thầm của mẹ, hôm nay nhiều đêm tôi đã ứa nước mắt! Gia đình tôi chỉ thuộc loại “đủ ăn”, nhưng mẹ đã chắt chiu không tiếc, sắm cho tôi đầy đủ từ vali, quần áo, vật dụng cá nhân, mũm mĩm, chiếc nón cối vải trắng, theo đúng tờ Chỉ dẫn của TCV gọi về, kể cả một đôi xăng-đan da đóng tại tiệm giày “Ông Thảo” là bố của Đào Đức Kim tại Phan Thiết, và ngoài một ít tiền tiêu vặt cho tôi, có cả tiền tàu xe cho kỳ nghỉ sau này, mẹ còn phải dành dụm đủ một ngàn đồng đóng cho TCV khi nhập học hằng năm, một số tiền không nhỏ thời đó!

Ngày tựu trường 24 tháng 7, 1961 đến gần. Mẹ tôi, một phụ nữ nhà quê, không ngần ngại đưa hai chúng tôi đi xe lửa ra Nha trang. Đây là chuyến đi xa đầu tiên trong đời, sau cuộc di cư từ miền Bắc khi còn nhỏ, nên cả hai rất thích thú. Đến ga Nha trang, cả ba người và đồ đoàn lên chiếc xích lô đạp để về Đồng Đế, nơi mẹ có người cháu là chủ tiệm tạp hóa, hớt tóc “Hồng Đức” trên đường Mai Xuân Thưởng ngày nay. Chiều ngày 24, chúng tôi đi bộ theo đường tắt, băng qua con đường đất nay là đường Củ chi, men theo hông nhà thờ Thanh hải cũ, ra tới đường Nam Thông, tức Bắc Sơn, đến TCV Sao Biển. Trước tiên đến trình diện cha

Bề trên, lo các thủ tục và trở lại cầu thang lên Dortoir chú nhỏ. Hai “chú chim con” chìm vào đám 41 tân binh của lớp 61 ngơ ngác, lạc lõng đến tội nghiệp, giữa các anh lớp 60 xông xáo, hoạt bát. Sau khi nhận chiếc giường gỗ “thần yêu”, để sau này sống chung với lũ rệp, tôi chạy ra cửa sổ nhìn xuống con đường giữa hai hàng cây phi lao, dẫn ra cổng gỗ sơn màu nâu của TCV, thì... than ôi, bóng mẹ đã biến mất từ bao giờ! Thở dài đi vào, lần đầu tiên tôi nhận ra rằng “Đi tu theo Chúa đâu phải dễ!” Nhưng, dù sao tôi cũng đã trở thành “kẻ đi tu”.

Không thể nào kể hết quãng đời dài miên man, đầy thách đố của hoàn cảnh bản thân, và của thời cuộc nhiều nhuong, để mô tả hết 24 năm “xa lánh thế gian” của mình, dù trí nhớ vẫn còn tạm xài được ở tuổi “cổ lai hi”, nên xin phép đi vào đoạn kết:

Cuối năm 1985, tôi mệt mỏi, bế tắc và gục ngã trước “thử thách của thời cuộc” như nhiều bạn đồng môn lần lượt khác - lớp 1961 là một trong những lớp “chín rộ” giữa giai đoạn khó khăn nhất - tôi đã quyết định “rẽ đường” với không ít ray rứt. Dù lắm người “tiếc nuối” cho tôi, tự thâm tâm tôi vẫn nhận ra Tình thương quan phòng của Chúa, qua sự lựa chọn của mình. Lớp tôi chỉ được 3/42 người làm LM, kể cả anh bạn cố tri thân thiết : “Tổng Linh” là “quà chuyển giao” của lớp 62. Hai vị còn lại, nguyên gốc của lớp 61 là Rev Nguyễn Quang Vinh và Rev Trần Khánh Thành, người đã sớm bỏ anh em ra đi vào ngày 28 tháng 3 năm 2007, khi đang là GS tại ĐCV Xuân Bích-Huế.

Ngày 30 tháng 12, 1992, tại Nhà thờ TX Phan Rang, tôi được tham dự lễ Truyền chức LM, khá sớm kể từ sau 1975, của bạn Jos Nguyễn Chí Linh. Dõi theo bước chân can

trường của ngài tiến lên, tôi chợt tỉnh giấc mơ màng, để biết rằng” mình đã lỡ một chuyến tàu và đang đứng lại sân ga!” Cám tạ Chúa đã luôn thương yêu, chúc lành cho đời sống mới của tôi được hạnh phúc và “khá thành đạt” dưới con mắt người đời suốt trong 36 năm Hôn nhân. Riêng tôi, ước nguyện ngày nào còn đủ điều kiện, nhất là sức khoẻ, tôi sẽ cố gắng thực hiện điều Chúa muốn, khi Ngài đã rất âu yếm “chiều” quyết định của tôi. Không bao giờ phải ngán ngại tự nhận mình là một Taru: “Life is a choice!” Ω

Hồi ký ngắn,

Kỷ niệm 60 năm của lớp 61 thân yêu.

California. Đầu Thu 2021.